

Kinh tế thế giới và Việt Nam 2014-2015: Nỗ lực phục hồi để chuyển sang quỹ đạo tăng trưởng mới

Nguyễn Xuân Thắng^(*)

Lời Ban biên tập: *Nền kinh tế thế giới đã bắt đầu chuyển sang một quỹ đạo tăng trưởng mới, ở mức thấp hơn song ổn định và cân bằng hơn trước. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế vẫn chưa đồng đều ở các nhóm nước: tốc độ tăng trưởng của các nền kinh tế mới nổi tiếp tục chậm lại, còn các nền kinh tế phát triển phục hồi mạnh mẽ hơn. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu vẫn đứng trước nhiều rủi ro. Đối với Việt Nam, kinh tế năm 2014 đã thoát dần ra khỏi những khó khăn và cho thấy dấu hiệu phục hồi rõ nét. Xu hướng phục hồi trong năm 2015 cũng khá vững chắc. Năm 2014 và 2015 là thời điểm nhìn lại quá trình 30 năm Đổi mới của đất nước, nhận diện những cơ hội và thách thức mới đặt ra.*

Cuốn sách Kinh tế thế giới và Việt Nam 2014-2015: Nỗ lực phục hồi để chuyển sang quỹ đạo tăng trưởng mới do GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng chủ biên (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015) sẽ đem đến cho bạn đọc một bức tranh tổng quan về kinh tế thế giới, các nước và khu vực năm 2014 và những tháng đầu năm 2015; đồng thời phân tích các đặc điểm nổi bật của kinh tế Việt Nam năm 2014 và những tháng đầu năm 2015 đặt trong hành trình 30 năm Đổi mới dựa trên khung phân tích chính sách. Ban biên tập xin trân trọng giới thiệu tóm tắt nội dung chính của cuốn sách, được tác giả chuyển tới cùng bạn đọc.

Từ khóa: Kinh tế thế giới, Kinh tế Việt Nam 2014-2015, Tăng trưởng kinh tế

1. Kinh tế thế giới bước vào quỹ đạo tăng trưởng mới nhưng vẫn tiềm ẩn các rủi ro

Năm 2014, kinh tế thế giới đã phát triển ổn định hơn nhờ chuyển sang một quỹ đạo tăng trưởng mới. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng hiện nay vẫn còn thấp và tăng trưởng của nhiều nền kinh tế vẫn ở mức dưới tiềm năng. Động lực đưa nền

kinh tế thế giới bước sang quỹ đạo tăng trưởng mới là việc tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ giúp nâng cao năng suất và hiệu quả. Trong thời gian qua, những nền kinh tế phát triển dựa vào công nghệ, khuyến khích đổi mới và sáng tạo, đồng thời chấp nhận cải cách sâu rộng đã tạo lập lại được nền tảng phát triển vững chắc sớm hơn và phục hồi nhanh hơn. Ngược lại, những nền kinh tế tiến hành cải cách chậm chạp, duy trì mô hình tăng trưởng dựa vào khai thác và xuất khẩu tài nguyên đang gặp nhiều khó khăn.

^(*) GS.TS., Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: thangnx.vass@gmail.com

Các dự báo về tình hình kinh tế trong năm 2015 và thời gian tới vẫn tương đối thận trọng do lo ngại về nhiều rủi ro như tình trạng thiếu phát, sự trì trệ của các nền kinh tế châu Âu, Nhật Bản và Trung Quốc, biến động tỷ giá của các đồng tiền lớn và tác động tiêu cực đối với dòng vốn quốc tế do chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn trái chiều... Ngoài ra, tình hình chính trị và an ninh thế giới biến động khó lường đang tạo ra môi trường không thuận lợi cho phát triển kinh tế. Đây là những thách thức không nhỏ đối với cộng đồng quốc tế trong năm 2015 và thời kỳ sau đó khi thông qua chương trình nghị sự phát triển mới với mục tiêu chấm dứt đói nghèo và thúc đẩy phát triển bền vững trên toàn cầu.

2. Kinh tế Việt Nam trong ngắn đến trung hạn: Xuất hiện nhiều điểm sáng song vẫn còn nhiều thách thức

Những điểm sáng

Trong năm 2014, nền kinh tế đã có những chuyển biến tích cực với nhiều điểm sáng xuất hiện. Tăng trưởng phục hồi khá rõ nét, với tốc độ tăng trưởng đạt 5,98%, cao nhất trong 4 năm trở lại đây, đồng thời tăng trưởng bớt phụ thuộc vào vốn hơn trước với ICOR ở mức 5,18, thấp nhất kể từ năm 2007 trở lại đây. Lạm phát ở mức thấp, với chỉ số CPI bình quân năm tiếp tục giảm tốc đáng kể, xuống chỉ còn 4,09%, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2004 trở lại đây. Trong khi đó cán cân thương mại của Việt Nam thặng dư năm thứ 3 liên tiếp, đạt mức 2 tỷ USD, trong khi cán cân tổng thể (bao gồm cả thương mại và dịch vụ) cũng có sự cải thiện đáng kể so với các năm trước, chỉ thâm hụt nhẹ ở mức 0,2 tỷ USD. Xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng, với tốc độ tiếp tục được duy trì và cơ cấu tiếp tục chuyển dịch sang sản phẩm chế tạo có giá trị cao hơn với nhiều triển vọng, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đã hoặc đang hoàn tất một loạt

các hiệp định về khu vực thương mại tự do FTA.

Thị trường lao động vẫn tiếp tục ổn định, được thể hiện qua sự ít biến động của các chỉ số như thất nghiệp, tình trạng thiếu việc làm, số giờ làm việc, tỷ lệ lao động không có bảo hiểm xã hội hay thu nhập của lao động làm công ăn lương. Trong khu vực doanh nghiệp, số lượng các doanh nghiệp hoạt động vẫn tiếp tục gia tăng do số lượng các doanh nghiệp mới thành lập lớn hơn so với số lượng các doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc giải thể. Những tín hiệu tốt này của kinh tế vĩ mô giúp tạo nên dư địa cho quá trình tái cơ cấu nền kinh tế.

Những thách thức

Tuy nhiên, trong ngắn đến trung hạn nền kinh tế còn đối mặt với nhiều thách thức do chưa có những đột phá trong việc thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế với trọng tâm là đầu tư công, hệ thống tài chính ngân hàng và khu vực doanh nghiệp nhà nước, tạo nên hai điểm nghẽn đối với tăng trưởng là nợ xấu và nợ công. Thâm hụt ngân sách vẫn ở mức cao, khiến nợ công tiến nhanh đến giới hạn đỏ 65% GDP, trong khi nợ xấu vẫn chưa được giải quyết về thực chất, có nguy cơ tạo nên vòng luẩn quẩn “tăng trưởng chậm - nợ xấu cao và nợ công tăng nhanh - đầu tư thấp - tăng trưởng chậm”. Một vấn đề mang tính cơ cấu khác có liên quan đến khu vực doanh nghiệp trong nước, nơi đa số doanh nghiệp có quy mô nhỏ và có xu hướng tiếp tục giảm, trong đó có khoảng 90% doanh nghiệp có quy mô lao động dưới ngưỡng tối ưu (được định nghĩa là quy mô mà ở đó năng suất lao động cao nhất khi các đặc tính khác của doanh nghiệp không đổi). Điều này đang cản trở các doanh nghiệp Việt Nam nâng cao hiệu quả và đổi mới sáng tạo nhằm vượt qua bẫy gia công lắp ráp để tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị toàn cầu đang đóng vai trò ngày

càng quan trọng trong thương mại toàn cầu nói chung và xuất nhập khẩu của Việt Nam nói riêng. Một trong những nguyên nhân quan trọng cản trở doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh là những bất cập đáng kể trong môi trường kinh doanh, làm tăng chi phí giao dịch của doanh nghiệp (liên quan đến lĩnh vực đất đai, đầu tư xây dựng, môi trường, khởi sự kinh doanh, thuế, hải quan, v.v...). Trên thị trường lao động, việc làm có năng suất và chất lượng nói chung và việc làm cho nhóm thanh niên nói riêng cũng nổi lên như một thách thức trong những năm gần đây.

Trong trung đến dài hạn, Việt Nam phải đối mặt với không ít thách thức do phương thức tăng trưởng hiện nay chủ yếu dựa vào *gia tăng huy động và sử dụng nguồn lực (vốn, tài nguyên và lao động)* đang tiến dần tới giới hạn: tỷ lệ đầu tư đã ở mức tương đối cao (trên 30% GDP) nên khó tăng nhiều; nhiều loại tài nguyên đang cạn kiệt trong khi vấn đề già hóa dân số đang cận kề tạo nên những ràng buộc chặt trên thị trường lao động và đối với hệ thống an sinh xã hội. Trong khi đó, cấu phần thứ hai tạo nên tăng trưởng - *năng suất của các nguồn lực sử dụng* (yếu tố năng suất tổng hợp - TFP) đã tăng chậm lại; năng suất lao động cũng có xu hướng tương tự.

3. Kinh tế Việt Nam trong trung đến dài hạn: Đẩy mạnh cải cách để chuyển sang quỹ đạo tăng trưởng mới

Trong bối cảnh đó, *trong trung đến dài hạn*, Việt Nam cần thực hiện hiệu quả việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng nhằm phù hợp với sự thay đổi về chất trong quá trình phát triển của đất nước. Theo phân loại của Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu do Diễn đàn kinh tế thế giới hàng năm xây dựng, với việc Việt Nam đạt được mức thu nhập bình quân đầu người 2.054 USD vào cuối năm 2014, đất nước đã kết thúc giai đoạn 1 với tăng

trưởng chủ yếu dựa trên việc gia tăng nguồn lực (factor-driven growth) để bước vào quá trình chuyển đổi sang giai đoạn 2 với tăng trưởng chủ yếu dựa trên hiệu quả (efficiency-driven growth)^(*). Đến năm 2020, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam được dự báo ở mức khoảng 3.000 USD và khi đó Việt Nam sẽ chính thức bước vào giai đoạn 2 của sự phát triển (với thu nhập bình quân đầu người từ 3.000 - 8.999 USD). Theo phương pháp luận của Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu, với sự thay đổi về chất này của Việt Nam, trọng số dành cho hiệu quả tăng khoảng 1,5 lần, từ 35% lên 50%, còn trọng số dành cho đổi mới sáng tạo tăng gấp đôi, từ 5% lên 10%, trong khi trọng số dành cho nhóm yêu cầu cơ bản (chủ yếu giúp đẩy mạnh huy động nguồn lực) giảm từ 60% xuống 40%^(**).

(*) Dựa trên các lý thuyết về tăng trưởng, Báo cáo này phân loại các nước thành ba nhóm theo trình độ phát triển tăng dần, được đo bằng mức thu nhập bình quân đầu người. Các mức đó là: Giai đoạn 1: <2.000 USD; Giai đoạn 2: 3.000-8.999 USD; và Giai đoạn 3: >17.000 USD và hai nhóm nước khác trong quá trình chuyển đổi từ giai đoạn 1 lên giai đoạn 2 (2.000 - 2.999 USD) và từ giai đoạn 2 lên giai đoạn 3 (9.000 - 17.000 USD).

(**) Theo Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu, trong giai đoạn 1 - gia tăng nguồn lực, 4 trụ cột đầu (trong tổng số 12 trụ cột dùng để tính chỉ số phản ánh năng lực cạnh tranh quốc gia) thể hiện những yêu cầu cơ bản của tăng trưởng đóng vai trò quan trọng: (i) các thể chế công và tư; (ii) hạ tầng cơ sở; (iii) ổn định kinh tế vĩ mô; (iv) lực lượng lao động với trình độ giáo dục ở cấp phổ thông. Trong giai đoạn 2 - nâng cao hiệu quả (efficiency-driven), 6 trụ cột tiếp theo (từ 5 đến 10) đóng vai trò quan trọng: (i) giáo dục và đào tạo ở cấp độ sau phổ thông; (ii) thị trường hàng hóa hiệu quả; (iii) thị trường lao động hiệu quả; (iv) thị trường tài chính phát triển; (v) năng lực áp dụng công nghệ sẵn có; (vi) thị trường (cả trong nước và quốc tế) rộng lớn. Trong giai đoạn 3 - đổi mới sáng tạo (innovation-driven), 2 trụ cột cao nhất (từ 11 đến 12) đóng vai trò quan trọng: (i) sản xuất được các sản phẩm khác biệt; (ii) sáng tạo ra những sản phẩm và công nghệ mới.

Như vậy mô hình tăng trưởng mới của Việt Nam sẽ là sự kết hợp giữa: (i) tận dụng những dư địa còn lại của việc gia tăng nguồn lực; (ii) đẩy mạnh việc nâng cao hiệu quả sử dụng và phân bổ nguồn lực; và (iii) nuôi dưỡng đổi mới sáng tạo nhằm tận dụng tối đa những cơ hội mà hội nhập quốc tế cũng như những lợi thế về địa kinh tế của Việt Nam mang lại.

4. Kiến nghị chính sách

Với những định hướng nêu trên, muốn giải quyết các điểm nghẽn phát triển hiện nay để thúc đẩy phục hồi nhằm đưa nền kinh tế chuyển sang quỹ đạo tăng trưởng nhanh và bền vững, trong thời gian tới Việt Nam cần thực hiện các nhóm giải pháp bao gồm:

(i) Đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô: Là điều kiện tiên quyết nhằm giảm thiểu rủi ro hệ thống và sai lệch tín hiệu phân bổ nguồn lực, dẫn đến đầu cơ vào các tài sản thay vì đầu tư nhằm nâng cao năng lực sản xuất và công nghệ, v.v... khi lạm phát tăng cao. Để đạt được mục tiêu này, cần thực thi các chính sách tiền tệ và tài khóa thận trọng nhằm kiểm soát lạm phát và duy trì các cán cân vĩ mô như thâm hụt ngân sách, nợ công, thâm hụt vãng lai, v.v... ở mức hợp lý. Chính sách tỷ giá cần linh hoạt và mang tính thị trường hơn, tránh để đồng tiền Việt Nam bị định giá cao, qua đó phòng ngừa những bất ổn vĩ mô tiềm ẩn cũng như hỗ trợ nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế của các hàng hóa và dịch vụ xuất nhập khẩu của Việt Nam.

(ii) Nâng cao hiệu quả của nền kinh tế thông qua cải cách thể chế và quản trị nhà nước, và các cuộc cải cách cơ cấu:

- **Cải cách thể chế và quản trị nhà nước** theo hướng củng cố quyền sở hữu, cải cách các thủ tục hành chính và tăng cường tính minh bạch sẽ giúp giảm chi phí giao dịch, giảm thiểu rủi ro sẽ có tác động tích cực đến toàn bộ nền kinh tế.

- **Tái cơ cấu đầu tư công:** Thực hiện hiệu quả Luật Đầu tư công, xây dựng quy hoạch khoa học trên cơ sở lợi ích quốc gia trong mối gắn kết với quá trình hội nhập quốc tế và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, gắn kết chặt chẽ đầu tư công với quy hoạch tổng thể nền kinh tế, quy hoạch vùng để đảm bảo không gian kinh tế không bị chia cắt bởi không gian hành chính và lợi ích cục bộ địa phương.

- **Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước:** Để Nhà nước thực hiện hiệu quả vai trò định hướng, dẫn dắt và điều tiết nền kinh tế, cần thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước theo hướng thoái vốn ra khỏi những lĩnh vực mà khu vực tư nhân làm tốt; với các doanh nghiệp còn do Nhà nước chi phối, cần thực hiện đổi xử bình đẳng với các loại hình doanh nghiệp khác, áp dụng nguyên tắc ngân sách cứng và minh bạch hóa thông tin theo chuẩn mực của các công ty niêm yết; những doanh nghiệp giữ lại cần có lợi thế quy mô, thể hiện năng lực thu hẹp khoảng cách về công nghệ với các công ty đa quốc gia và phải ưu tiên đặt mục tiêu nâng cấp công nghệ, cùng với điều kiện cải thiện quản trị doanh nghiệp, tách bạch quyền sở hữu với quản lý, được giám sát chặt chẽ gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

- **Phát triển khu vực tư nhân:** Cần tạo một môi trường để khu vực tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế, có điều kiện tiếp cận một cách bình đẳng đến các nguồn lực cũng như các cơ hội, qua đó phát triển tương xứng với tiềm năng và trở thành một động lực quan trọng thật sự của tăng trưởng và phát triển.

- **Tái cơ cấu hệ thống tài chính ngân hàng:** Ưu tiên trước mắt là nhanh chóng xử lý nợ xấu, song vì nợ xấu liên quan đến doanh nghiệp, tài sản thế chấp (đất đai),... nên các thể chế liên quan đến doanh nghiệp (như Luật Doanh nghiệp, Luật Phá sản), đất đai (Luật Đất đai) cần có những

điều chỉnh phù hợp, nếu không nợ xấu nằm trong VACM (Vietnam Asset Management Company) mà không bán lại cho các nhà đầu tư chiến lược thực sự vẫn là vấn đề nan giải, nhiều rủi ro. Đẩy nhanh quá trình xử lý các ngân hàng yếu kém, nếu cần có thể sử dụng biện pháp mạnh là cho phá sản. Cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp, đặc biệt là cho vay trung và dài hạn, trên cơ sở bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình sở hữu.

- *Xử lý vấn đề nợ công*: Nợ công tạo nguồn lực cần thiết đối với các nước đang phát triển, vì thế bảo đảm an toàn nợ công không nhất thiết phải giảm nợ công mà cần hướng tới *sử dụng nợ công hiệu quả* theo hướng: (i) phân loại nhu cầu đầu tư và chi tiêu công theo thứ tự ưu tiên (có những hạng mục không thể không làm kể cả khi nợ công ở mức cao; và những hạng mục không thể làm kể cả có kinh phí, v.v...); (ii) tăng cường minh bạch, có trách nhiệm giải trình, tiết kiệm và có sự quản lý, giám sát của cơ quan nhà nước cũng như của người dân trong quá trình vay nợ, mục đích vay nợ, quá trình thực hiện các chương trình, dự án quan trọng sử dụng nợ; (iii) thể chế hóa và đẩy mạnh thực hiện hợp tác công - tư, thực thi các giải pháp sáng tạo như đầu tư công, quản trị tư, v.v...; (iv) kiên định với lộ trình xóa bỏ bù lỗ đối với giá năng lượng (còn giúp bảo vệ môi trường); (v) đưa vào áp dụng thuế tài sản (còn giúp giảm đầu cơ) và xem xét tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các hàng hóa và dịch vụ không khuyến khích (còn giúp tăng tính công bằng).

(iii) Nuôi dưỡng và thúc đẩy đổi mới sáng tạo thông qua thực thi chính sách công nghiệp phù hợp, cụ thể: (i) tháo gỡ những cản trở khiến các doanh nghiệp không mở rộng được quy mô để đạt mức tối ưu; (ii) sớm hoàn tất các cuộc đàm phán các hiệp định FTA thế hệ mới (như TPP,

EU) để tạo điều kiện nâng cao tính kinh tế của quy mô cho các doanh nghiệp; (iii) tiếp tục khuyến khích đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia với công nghệ tiên phong dẫn dắt các chuỗi giá trị toàn cầu; (iv) thúc đẩy sự hình thành của các cụm liên kết doanh nghiệp cùng ngành (industrial clusters); (v) khuyến khích nghiên cứu và triển khai (R&D) và nâng cấp công nghệ, đặc biệt là công nghệ trung bình; có những cơ chế ưu tiên cho hoạt động R&D cho các doanh nghiệp trong nước thực hiện đột phá trong việc tham gia sâu vào các chuỗi giá trị toàn cầu; (vi) thúc đẩy sự hình thành của vốn rủi ro (venture capital) cùng các giải pháp khác giúp giảm thiểu và chia sẻ rủi ro với các doanh nghiệp làm công nghệ; (vii) xem xét thực hiện đầu tư nhà nước vào hạ tầng hỗ trợ công nghệ và sáng tạo như các trung tâm kiểm định và xác nhận chất lượng của các sản phẩm mới; (viii) có những chương trình khuyến khích và hỗ trợ khởi nghiệp trong các lĩnh vực áp dụng công nghệ; (ix) đẩy mạnh cải cách ở bậc đại học, với trọng tâm hướng vào việc tạo ra các trường đại học về kỹ thuật và công nghệ đẳng cấp để tạo ra một đội ngũ kỹ sư có lực lượng dồi dào, tăng tính kết nối của các trường này với khu vực doanh nghiệp, đặc biệt với các doanh nghiệp công nghệ; (x) thúc đẩy sự phát triển của các ngành dịch vụ logistics để tạo điều kiện cho sự phát triển của các ngành công nghiệp chế tạo có tiềm năng lan tỏa về công nghệ; (xi) thúc đẩy quá trình đô thị hóa trong mối gắn kết với các chuỗi giá trị toàn cầu nhằm khuếch đại hiệu ứng tập trung (agglomeration effects).

Với thông điệp xuyên suốt về yêu cầu chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng mới dựa chủ yếu vào sự gia tăng hiệu quả kết hợp với việc thúc đẩy công nghệ trên cơ sở phát huy tri thức và sáng tạo, hy vọng cuốn sách sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho độc giả về kinh tế Việt Nam và kinh tế thế giới □